

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 1627/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nước cấp
trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc Quy định hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2026-2030 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 282/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nước cấp trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Trảng Biên, Trị An, La Ngà, Định Quán, Phước An, Phước Thái; Giám đốc Khu

Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *7.10*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thu. *3*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hoàng



**KẾ HOẠCH QUAN TRẮC, CẢNH BÁO MÔI TRƯỜNG VÙNG NƯỚC
CẤP TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. MỤC TIÊU

- Quan trắc hiện trạng môi trường làm cơ sở cho công tác quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản, kiểm soát mức độ ô nhiễm nguồn nước để có biện pháp ngăn chặn kịp thời chỉ đạo sản xuất thủy sản, nhất là các đối tượng nuôi chủ lực, vùng nuôi thủy sản tập trung. Thông qua các thông tin dự báo về diễn biến môi trường giúp người nuôi kiểm soát chất lượng nước nuôi thủy sản, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất, phòng ngừa phát sinh dịch bệnh trên thủy sản nuôi, phát triển thủy sản bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, đánh giá diễn biến chất lượng của môi trường nuôi trồng thủy sản trên những vùng trọng điểm được quan trắc và phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất.
- Kết quả quan trắc kết hợp với những khuyến cáo về lịch thả giống sẽ giúp cho người nuôi nắm được diễn biến môi trường nước cấp, nhận biết các yếu tố môi trường bất lợi để giúp cho người nuôi có kế hoạch lấy nước vào ao, xử lý nước, thả giống và quản lý vùng nuôi thích hợp.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

2.1. Nhiệm vụ

- Thực hiện quan trắc môi trường nước cấp tại các khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung/khu nuôi trọng điểm trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai hiệu quả công tác quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản nhằm phát hiện những yếu tố có nguy cơ tác động xấu đến môi trường nuôi trồng thủy sản, thông báo kịp thời đến các tổ chức có liên quan, phối hợp hướng dẫn người nuôi thủy sản thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục cần thiết; xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu về môi trường nuôi thủy sản với Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.2. Giải pháp

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường thủy sản, tăng cường quan trắc môi trường nuôi, các vị trí ảnh hưởng đến khu vực nuôi trồng thủy sản, theo dõi dịch bệnh trên thủy sản để kịp thời cảnh báo, khuyến cáo cho người nuôi.

- Nâng cao năng lực, tham gia tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu, phân tích, quan trắc, xử lý số liệu cho cán bộ công chức làm công tác quan trắc, cảnh báo môi trường.

2.3. Vùng quan trắc

Là những vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, có chung nguồn nước cấp, phù hợp với quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương; những nơi thường xảy ra dịch bệnh hoặc có nguy cơ ô nhiễm môi trường; vùng nuôi có diện tích từ 10 ha trở lên đối với nuôi thâm canh và bán thâm canh, từ 200 ha trở lên đối với hình thức nuôi khác, từ 1000 m³ trở lên đối với nuôi lồng, bè. Cụ thể:

a) Khu vực ngập mặn xã Phước An, Phước Thái: Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản nước lợ là 1.669 ha, trong đó, khu vực tập trung nuôi tôm thẻ chân trắng và tôm sú thâm canh là 333 ha (trong đó khoảng 120 ha nuôi tôm thẻ). Quan trắc tại các vị trí: xã Phước An (hợp lưu sông Thị Vải, sông Đồng Kho, sông Đồng Tranh, Tắc Nha Phương, Tắc Ông Trúc), xã Phước Thái (sông Thị Vải).

b) Khu vực nuôi cá lồng bè trên sông Cái (phường Trăn Biên): Khoảng 392 bè, 907 lồng, xồng nuôi tập trung thường có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ. Quan trắc tại các vị trí khu nuôi cá bè tập trung (phường Tân Mai, Hiệp Hòa, Thống Nhất cũ).

c) Khu vực nuôi cá lồng bè trên hồ Trị An (xã Trị An, La Ngà, Định Quán): Khoảng 673 bè và 3615 lồng nuôi thủy sản, tổng diện tích 233.580 m². Lồng, bè nuôi tập trung thường có nguy cơ ô nhiễm hữu cơ. Quan trắc tại các vị trí: khu nuôi bè tập trung các xã Trị An; khu nuôi bè tập trung các xã La Ngà, Định Quán (eo Suối Co, thác Thanh Sơn).

2.4. Đối tượng quan trắc

Quan trắc chất lượng môi trường nước vùng nuôi động vật thủy sản được nuôi tập trung, bao gồm:

a) Quan trắc môi trường khu vực cấp nước cho vùng nuôi tập trung các đối tượng chủ lực, có giá trị kinh tế như cá chép, cá lăng, cá rô phi, điêu hồng tại các thủy vực trọng điểm tại khu vực nuôi cá lồng bè sông Cái; khu vực hồ Trị An - làng cá bè La Ngà - Định Quán;

b) Quan trắc môi trường khu vực cấp nước cho vùng ngập mặn nuôi tôm thẻ, tôm sú, hào.

STT	Khu vực	Vị trí thu mẫu
1	Hồ Trị An (xã Trị An, xã Định Quán, La Ngà)	Hồ Trị An - dòng chảy
2		Khu vực nuôi tập trung xã Trị An
3		Hợp lưu suối Co, Định Quán
4		Khu vực nuôi tập trung suối Co
5		Hợp lưu cửa sông Đồng Nai
6		Khu vực nuôi tập trung số 8

STT	Khu vực	Vị trí thu mẫu
7	Sông Đồng Nai (phường Trảng Biên)	Hạ lưu cầu La Ngà 1,5 km
8		Hợp lưu trước cầu La Ngà
9		Thượng nguồn – cầu Rạch Cát
10		Hợp lưu Sắn Máu (cầu Rạch Gió)
11		Khu vực nuôi tập trung sông Cái
12		Hợp lưu suối Linh - sông Cái
13	Khu vực ngập mặn (xã Phước Thái, Phước An)	Rạch Cái Trùng, hợp lưu sông Đồng Tranh-Đồng Kho-Bà Hào
14		Tắc Nha Phương, hợp lưu Sông Bà Hào – tắc Hồng
15		Hợp lưu Rạch ông Trúc, sông Đồng Kho
16		Kênh cấp đùng Giác Lờ, sông Đồng Kho
17		Kênh cấp đùng K21
18		Tắc Dây mủ
19		Hợp lưu Tắc Hồng- Thị Vải
20		Hợp lưu vàm Phước Thái, sông Thị Vải
21		Sông Thị Vải

2.5. Thông số, tần suất quan trắc

Quan trắc định kỳ được thực hiện với tần suất 1-2 lần/tháng (tháng 4-12) tại các khu vực/vùng quan trắc. Vào các tháng tập trung vụ nuôi, các tháng mưa lũ và các thời điểm nhạy cảm, giao mùa, hoặc khi môi trường, thời tiết có những diễn biến bất thường, tần suất lấy mẫu, chỉ tiêu quan trắc và vị trí có thể thay đổi, tăng cường ở mỗi khu vực nhằm phục vụ cho công tác cảnh báo, xây dựng khung lịch mùa vụ, cơ cấu đối tượng nuôi và phòng ngừa dịch bệnh.

Ngoài ra, trong những trường hợp đột xuất như khu vực nuôi xảy ra dịch bệnh hoặc chết hàng loạt, tần suất lấy mẫu có thể thay đổi nhằm phối hợp xác định nguyên nhân, hướng dẫn xử lý.

+ Các thông số: Độ mặn, pH, độ kiềm, oxy hòa tan (DO), Ammonia tổng cộng (N-NH_4^+), Nitrit (N-NO_2^-), Phosphat (P-PO_4^{3-}), độ kiềm, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), *Vibrio* tổng số (*Vibrio* sp), *Vibrio parahaemolyticus*, *Aeromonas* tổng số, *Streptococcus* sp, tảo quan trắc 1-2 lần/tháng, thời gian quan trắc từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2026 (tăng cường theo tình hình thực tế).

+ Các thông số: Thuốc bảo vệ thực vật và kim loại nặng (Cd, Pb, As) quan trắc với tần suất 02 lần/năm (dự kiến tháng 5 và tháng 10 năm 2026).

2.6. Chỉ tiêu quan trắc, phương pháp thu mẫu và phân tích mẫu

a) Thu mẫu nước theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6663-6:2018 (ISO 5667-6:2014) về Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 6: Hướng dẫn lấy mẫu nước sông và suối; Phương pháp lấy mẫu vi sinh theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8880:2011; Phương pháp lấy mẫu thủy sinh: SMEWW 10200B:2023; SMEWW 10500B:2023.

b) Mẫu được bảo quản theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6663-3:2016 (ISO 5667-3:2012) về Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước.

c) Phương pháp đo đạc tại hiện trường

- Các chỉ tiêu được xác định ngay tại hiện trường bằng thiết bị đo nhanh gồm nhiệt độ, pH, Oxy hòa tan, độ mặn, dòng chảy. Các thông số còn lại được xác định bằng cách thu mẫu và phân tích tại phòng thí nghiệm.

d) Phương pháp phân tích mẫu tại phòng thí nghiệm

TT	Các chỉ tiêu	Phương pháp phân tích (*)
1	TSS	SMEWW 2540 D: 2017 TCVN 6625:2000
2	Độ kiềm	SMEWW 2540 E 2017
3	COD	SMEWW 5220 C:2017 TCVN 6186:1996 SMEWW 5220 C:2023
4	<i>Vibrio</i> tổng số	SMEWW 9260 H: 2017
5	<i>Vibrio parahaemolyticus</i>	HD07-TT7.2-VK 2019 OIE 2021 CHAPTER 2.2.1
6	N-NO ₂ ⁻	SMEWW 4500-NO ₂ B: 2017
7	N-NH ₄ ⁺	SMEWW 4500-NH ₃ F: 2017
8	S ²⁻	SMEWW 4500- S ₂ - D: 2017
9	P-PO ₄ ³⁻	SMEWW 4500-P E: 2017
10	Tảo độc	SMEWW 10200 F: 2017 và SMEWW 10900 E: 2017
11	Cd	SMEWW 3030:2023 SMEWW 3125B:2023 US EPA METHOD 6020B:2014
12	Hg	SMEWW 3030:2023 SMEWW 3125B:2023 US EPA METHOD 6020B:2014
13	Pb	SMEWW 3030:2023 SMEWW 3125B:2023 US EPA METHOD 6020B:2014
14	As	SMEWW 3030:2023 SMEWW 3125B:2023 US EPA METHOD 6020B:2014
15	Thuốc bảo vệ thực vật gốc carbamate	LC/MS/MS Ref: EPA 508
16	<i>Aeromonas</i> tổng số	SMEWW 9260 L:2017
17	<i>Streptococcus</i> sp	TCVN 6189-2:1996 SMEWW 9215:2017 HD08-TT7.2-VK 2019

(*) *Chấp nhận phương pháp phân tích có độ chính xác tương đương hoặc cao hơn các phương pháp phân tích được viện dẫn.*

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản năm 2026 được bố trí từ nguồn kinh phí trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 (Quyết định số 3079/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 392/QĐ-STC ngày 12/12/2025 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước- chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai 2026 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức triển khai thực hiện các nội dung quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản tại địa phương sau khi kế hoạch được phê duyệt.

- Phê duyệt kế hoạch chi tiết cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường liên quan thông báo kết quả quan trắc môi trường, diễn biến chất lượng nước cho các địa phương, tuyên truyền, hướng dẫn người nuôi trồng thủy sản quan trắc, giám sát chất lượng nước tại khu vực nuôi của mình; cập nhật các thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường trên hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định.

2. UBND các xã, phường: Trấn Biên, Trại An, La Ngà, Định Quán, Phước An, Phước Thái: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị được lựa chọn quan trắc môi trường triển khai Kế hoạch đã được phê duyệt; theo dõi, thông báo kết quả quan trắc, cảnh báo kịp thời trên hệ thống truyền thanh, hệ thống mạng, ứng dụng điện thoại...; bố trí cán bộ chuyên môn theo dõi, cập nhật diễn biến môi trường qua kết quả quan trắc của Sở Nông nghiệp và Môi trường, triển khai thực hiện các biện pháp khắc phục và báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thông báo và biện pháp chăm sóc, quản lý đến người nuôi trồng thủy sản để giảm thiểu những thiệt hại trong hoạt động nuôi cá bè./.



PHỤ LỤC 1

ĐỊA ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI CÁC XÃ/PHƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
 (Kèm theo Quyết định 1524/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa điểm quan trắc	Môi trường quan trắc	
		Nguồn nước cấp khu vực nước ngọt	Nguồn nước cấp khu vực ngập mặn
1	Hồ Trị An - dòng chảy	1	
2	Khu vực nuôi tập trung xã Trị An	1	
3	Hợp lưu suối Co, Định Quán	1	
4	Khu vực nuôi tập trung suối Co	1	
5	Hợp lưu cửa sông Đồng Nai	1	
6	Khu vực nuôi tập trung số 8	1	
7	Hạ lưu cầu La Ngà 1,5 km	1	
8	Hợp lưu trước cầu La Ngà	1	
9	Thượng nguồn – cầu Rạch Cát	1	
10	Hợp lưu Sắn Máu (cầu Rạch Gió)	1	
11	Khu vực nuôi tập trung sông Cái	1	
12	Hợp lưu suối Linh - sông Cái	1	

13	Rạch Cái Trứng, hợp lưu sông Đồng Tranh-Đồng Kho-Bà Hào		1
14	Tắc Nha Phương, hợp lưu Sông Bà Hào – tắc Hồng		1
15	Hợp lưu Rạch ông Trúc, sông Đồng Kho		1
16	Kênh cấp đùng Giác Lờ, sông Đồng Kho		1
17	Kênh cấp đùng K21, Đồng Kho		1
18	Tắc Dây mù, Đồng Kho		1
19	Hợp lưu Tắc Hồng- Thị Vải		1
20	Hợp lưu vàm Phước Thái, sông Thị Vải		1
21	Sông Thị Vải		1
	Tổng cộng	12	9

PHỤ LỤC 2
DỰ KIẾN THÔNG SỐ, TẦN SUẤT, THỜI GIAN, SỐ LƯỢNG MẪU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
 (Kèm theo Quyết định 1627/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Đối tượng quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí
1	Nguồn nước cấp nuôi tôm nước lợ	- Nhiệt độ, độ mặn, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, độ mặn, độ kiềm, <i>Vibrio</i> sp, <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	01 lần/tháng	Từ tháng 4 - 12	9
		- Thuốc Bảo vệ thực vật - Kim loại nặng (Cd, Pb, As)	02 lần/năm	02 tháng (tháng 5 và tháng 10)	3
		- Tảo độc	01 lần/tháng	06 tháng (từ tháng 6-11)	3
2	Môi trường nuôi cá lồng nước ngọt	- Nhiệt độ, pH, DO, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , TSS, độ kiềm, <i>Aeromonas</i> sp, <i>Streptococcus</i> sp	01 lần/tháng	Từ tháng 4 - 12	12
			2 lần/ tháng	03 tháng (từ tháng 5-7)	6
		- Thuốc bảo vệ thực vật - Kim loại nặng (Cd, Pb)	2 lần/năm	02 tháng (tháng 5 và tháng 10)	3
		- Tảo độc	01 lần/tháng	06 tháng (từ tháng 6-11)	4

(*) Tùy theo tình hình thực tế, khi môi trường có diễn biến bất thường hoặc không ổn định, tần suất và thời gian thực hiện quan trắc có thể thay đổi đột xuất nhằm kịp thời cung cấp thông tin, phục vụ công tác cảnh báo

Số: 282 /TTr-SNNMT

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nước cấp trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư.

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 30/VBHN-BNNPTNT ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 966/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026 phê duyệt Kế hoạch Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2026-2030 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường”.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng dự thảo Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nước cấp trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026, gửi xin ý kiến góp ý các Sở ngành, địa phương liên quan tại Văn bản số 4242/SNN-CCTS ngày 18/3/2026. Đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được góp ý của Sở Tài chính và UBND xã La Ngà; Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hoá Đồng Nai, UBND phường Định Quán, Trại An, Phước Thái, Phước An, Trấn Biên không có văn bản xem như thống nhất với dự thảo.

Trên cơ sở góp ý kiến của các Sở ngành, địa phương liên quan; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, ban hành kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 để có cơ sở triển khai thực hiện./.

Hồ sơ kèm theo:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch quan trắc môi trường vùng nước cấp trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026;
- Bảng tổng hợp ý kiến góp ý các đơn vị.

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh;
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, CCCNTS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Thắng